

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 06/01/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Đặng Thị Huệ - Cán bộ hưu trí.

2. Bà: Hà Thị Vinh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nh huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nh, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H và anh T đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn Nông trường S cũ (nay thuộc UBND phường A, thành phố T), giấy chứng nhận kết hôn hiện bị mất. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn

vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Thị U, sinh ngày 29/02/2000, hiện đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Hà Thị H xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2022 anh Trần Văn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh kết hôn với chị Hà Thị H năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban thị trấn Nông Trường S cũ (nay thuộc UBND phường A, thành phố Tuyên Quang). Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Cuộc sống vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn xảy ra. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị H

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh và chị Hà Thị H có 01 con chung là cháu Trần Thị Uyên, sinh ngày 29/02/2000, hiện đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh Trần Văn T xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập hòa giải của Tòa án.

- *Về nội dung*: Xét thấy không có căn cứ chứng minh chị Hà Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn với nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị H và anh Trần Văn T là vợ chồng.

- *Về con chung, tài sản và vay nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Hà Thị H phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Hà Thị H và anh Trần Văn T đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T xác định kết hôn với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nông Trường Chè S (nay thuộc UBND phường A, thành phố Tuyên Quang), giấy chứng nhận kết hôn hiện bị mất. Tuy nhiên tại Công văn số 439/UBND - TP ngày 06 tháng 12 năm 2022 của UBND phường A, thành phố Tuyên Quang xác định: “*Qua kiểm tra xác minh UBND phường Ag, thành phố Tuyên Quang hiện không còn lưu được sổ hộ tịch kết hôn năm 1999 của Ủy ban thị trấn Nông trường S, vì vậy không có thông tin của công dân Hà Thị H và Trần Văn T*”

Hội đồng xét xử thấy rằng tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Mặc dù chị H và anh T đều xác định có đăng ký kết hôn, nhưng không có căn cứ để xác định việc kết hôn giữa chị H và anh T. Do vậy cần không công nhận chị Hà Thị H và anh Trần Văn T là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T cùng xác định có 01 con là cháu Trần Thị Uyên, sinh ngày 29/02/2000, hiện đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về vay nợ chung*: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Hà Thị H và anh Trần Văn T là vợ chồng.

- *Về án phí*: Chị Hà Thị H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004243, ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị Hà Thị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyên

